

Bản án số: 14/2020/HS-ST

Ngày 21 - 4 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Tân Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

bà Lê Thị Bông

ông Hoàng Hải Yên

- Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Hương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Hà Văn V, sinh ngày 01 tháng 3 năm 1994 tại Phù Yên; nơi cư trú: Bản Chát Mới, xã Gia Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Mường; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Văn Ánh; con bà: Đinh Thị Ứng; tiền án: không; tiền sự: Ngày 14/9/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính “đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” với thời gian 20 tháng về hành vi sử dụng ma túy; nhân thân: Ngày 18/11/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 14/6/2007, bị UBND huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La quyết định xử lý hành chính “đưa vào trường giáo dưỡng” với thời gian 24 tháng; bản thân nghiện ma túy; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22 tháng 11 năm 2019 đến nay; “có mặt”.

2. Hà Xuân S, sinh ngày 17 tháng 8 năm 1997 tại Phù Yên; nơi cư trú: Bản Bùa Thượng 2, xã Tường Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Văn Lợi; con bà: Cẩm Thị Cẩm; tiền án: Ngày 12/7/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 14 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22 tháng 11 năm 2019 đến nay; “có mặt”.

- Bị hại:

1. Chị Lò Thị H, sinh năm 1983; nơi cư trú: bản Chát Mới, xã Gia Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.
2. Chị Đinh Thị Nhật L, sinh ngày 05/4/2003; nơi cư trú; bản Cửa Sập, xã Đá Đỏ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.
3. Chị Đặng Thị M, sinh ngày 09/11/2003; nơi cư trú; bản Suối Bương, xã Kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.
4. Chị Đinh Thị H, sinh năm 1967; nơi cư trú; bản Mo, xã Quang Huy, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.
5. Anh Mùi Văn Th, sinh ngày 24/12/2003; nơi cư trú; bản Bãi Con, xã Bắc Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.
6. Anh Phàng A C, sinh ngày 02/6/2002; nơi cư trú; bản Suối Vạch, xã Kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La;
7. Chị Hoàng Thủy Nh, sinh ngày 09/4/2005; nơi cư trú; bản Vi, xã Gia Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.
8. Anh Đinh Văn H, sinh năm 1980; nơi cư trú; bản Chát Mới, xã Gia Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.
9. Chị Hà Thị Y, sinh năm 1972; nơi cư trú; bản Lá, xã Gia Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.
10. Anh Thào A S, sinh ngày 09/10/2001; nơi cư trú; bản Suối Chèo, xã Suối Bau, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.
11. Anh Đinh Văn Nh, sinh năm 1972; nơi cư trú; bản Nà Khăm, xã Gia Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.
12. Chị Lường Thị N, sinh năm 1985; nơi cư trú; bản Bùa Chung 1, xã Tường Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. “vắng mặt”.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại Đinh Thị Nhật L: ông Đinh Văn Sn, sinh năm 1981; nơi cư trú: bản Cửa Sập, xã Đá Đỏ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, là bố đẻ của bị hại Đinh Thị Nhật L; “vắng mặt”.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại Đặng Thị M: ông Đặng Văn N, sinh năm 1979; nơi cư trú: bản Suối Bương, xã Kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; là bố đẻ của bị hại Đặng Thị M; “vắng mặt”.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại Mùi Văn Th: ông Mùi Văn Th, sinh năm 1976; nơi cư trú: Bãi Con, xã Bắc Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; là bố đẻ của bị hại Mùi Văn Th; “vắng mặt”.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại Phàng A C: ông Phàng A Kh, sinh năm 1972; nơi cư trú: bản Suối Vạch, xã Kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, là bố đẻ của bị hại Phàng A C; “vắng mặt”.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại Hoàng Thủy Nh: Đinh Thị V, sinh năm 1985; nơi cư trú: bản Vi, xã Gia Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; là mẹ đẻ của bị hại Hoàng Thủy Nh; “vắng mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Văn H, sinh năm 1984; nơi cư trú: tiểu khu 1 thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.
2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1994; nơi cư trú: tiểu khu 3 thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.

3. Anh Lường Văn L, sinh năm 1986; nơi cư trú: bản Tân Ba, xã Gia Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.
4. Anh Nguyễn Đức A, sinh năm 1996; nơi cư trú: tiểu khu 3 thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.
5. Anh Phạm Ngọc Th, sinh năm 1990; nơi cư trú: tiểu khu 2 thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.
6. Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1983; nơi cư trú: tiểu khu 2 thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.
7. Anh Chu Việt C, sinh năm 1990; nơi cư trú: tiểu khu 4 thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.
8. Anh Cầm Văn K, sinh năm 1994; nơi cư trú: bản Bùa Thượng 2, xã Tường Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 07/11/2019 đến ngày 22/11/2019 bị cáo Hà Văn V và Hà Xuân S đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản, liên tiếp thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất, ngày 07/11/2019 Hà Văn V và Hà Xuân S, sau khi bàn bạc, thông nhất cùng nhau đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Bị cáo Hà Văn V và Hà Xuân S vào phòng trọ của chị Đinh Thị Nhật Lý và chị Đặng Thị Mai. Bị cáo V chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A33 trị giá 800.000 đồng của chị Đinh Thị Nhật Lý, còn bị cáo S chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S trị giá 1.350.000 đồng của chị Đặng Thị Mai. Đến ngày 08/11/2019, bị cáo V và bị cáo S đem bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A33 cho anh Lường Văn Lượng được 300.000 đồng và bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S cho anh Nguyễn Đức Anh được 200.000 đồng. Số tiền bán điện thoại, V và S cùng nhau chi tiêu hết cho mục đích cá nhân.

Vụ thứ hai, sau khi trộm cắp và tiêu thụ xong hai chiếc điện thoại các bị cáo chiếm đoạt của chị Lý và chị Mai, ngày 08/11/2019, bị cáo Hà Văn V và Hà Xuân S thỏa thuận, hứa hẹn với nhau nếu một người lấy trộm được tài sản thì sẽ thông báo cho người kia biết để cùng nhau đi tiêu thụ và cùng chi tiêu chung với nhau. Cho nên ngày 09/11/2019 trên đường đi chơi về, bị cáo Hà Văn V, Hà Xuân S và anh Hoàng Văn Minh cùng vào quán bán bánh cuốn của chị Đinh Thị Hom để ăn đêm. Sau khi bị cáo S ăn xong, khi trả tiền cho chị Hom, bị cáo S nhìn thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Prime trị giá 2.150.000 đồng của chị Đinh Thị Hom. Quan sát thấy không có người, bị cáo S liền nhanh chóng cầm chiếc điện thoại đút vào túi quần rồi cùng với Hà Văn V và Hoàng Văn Minh đi về (V và Minh không biết sự việc S lấy trộm điện thoại). Khi đến khu vực trường THPT xã Gia Phù thì Minh điều khiển xe mô tô đi về nhà, lúc này S mới lấy chiếc điện thoại vừa chiếm đoạt được của chị Hom ra và nói cho V biết là S vừa lấy được tại quán của chị Hom và rủ V cùng đi bán thì V đồng ý. Đến ngày 10/11/2019, bị cáo V và bị cáo S đem bán chiếc điện

thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Prime cho anh Phạm Ngọc Thái được 700.000 đồng. Số tiền bán điện thoại, V và S cùng nhau chi tiêu hết cho mục đích cá nhân.

Vụ thứ ba, ngày 13/11/2019 Hà Văn V và Hà Xuân S cùng vào quán của chị Lò Thị Hợi để ăn trưa. Trong lúc ăn trưa, bị cáo V phát hiện có điện thoại di động ở trong phòng khách nhà chị Hợi nên V bảo S và lấy. Bị cáo S liền đi vào trong phòng khách lấy được 2 chiếc điện thoại di động (1 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J2 trị giá 2.040.000 đồng và 1 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y91 trị giá 4.760.000 đồng của chị Lò Thị Hợi. Sau khi chiếm đoạt được 2 chiếc điện thoại, bị cáo V và bị cáo S đem bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J2 cho anh Trần Văn Hùng được 400.000 đồng và bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y91 cho anh Nguyễn Văn Hòa được 800.000 đồng. Sau đó anh Hùng bán chiếc điện thoại trên cho anh Cầm Văn Kỷ được 500.000đ. Số tiền bán điện thoại, V và S cùng nhau chi tiêu hết cho mục đích cá nhân.

Vụ thứ tư, ngày 14/11/2019 Hà Văn V đứng bên ngoài cánh giới còn Hà Xuân S đi vào phòng trọ của anh Thào A Cú và anh Thào A Su. Bị cáo S chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71 màu vàng đồng trị giá 1.650.000 đồng của anh Thào A Cú và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71 màu hồng trị giá 1.700.000 đồng của anh Thào A Su. Đến ngày 15/11/2019, bị cáo V và bị cáo S đem bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71 màu vàng đồng cho anh Nguyễn Tiến Dũng được 500.000 đồng và bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71 màu hồng cho anh Chu Việt Cường được 700.000 đồng. Số tiền bán điện thoại, V và S cùng nhau chi tiêu hết cho mục đích cá nhân.

Vụ thứ năm, ngày 17/11/2019 Hà Văn V đến nhà cô ruột là Hà Thị Yên, khi thấy cháu Đình Mạnh Nhật (sinh năm 2011) đang sử dụng điện thoại để chơi điện tử, bị cáo bảo Nhật vào lấy nước uống, khi cháu Nhật đi vào nhà để lấy nước uống có để chiếc điện thoại ở sạp tre phía ngoài. Nhân lúc chị Yên và cháu Nhật không để ý, bị cáo V cầm chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y51 trị giá 2.000.000 đồng của chị Hà Thị Yên rồi nhanh chóng rời khỏi hiện trường. Sau khi chiếm đoạt chiếc điện thoại của chị Yên, bị cáo V gọi điện cho bị cáo S cùng đem bán chiếc điện thoại cho anh Nguyễn Tiến Dũng được 800.000 đồng. Số tiền bán điện thoại, V và S cùng nhau chi tiêu hết cho mục đích cá nhân.

Ngoài năm vụ án trên, cùng với thủ đoạn lợi dụng sử sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản, bị cáo V và bị cáo S còn cùng nhau thực hiện 5 vụ án khác. Cụ thể: Ngày 14/11/2019, bị cáo V và bị cáo S chiếm đoạt của anh Mùi Văn Thiệp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J6 sau đó mang bán cho anh Nguyễn Đức Anh được 300.000 đồng; ngày 16/11/2019, chiếm đoạt của anh Đình Văn Hạnh 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S sau đó mang bán cho anh Nguyễn Đức Anh với giá 1.000.000 đồng; ngày 20/11/2019, chiếm đoạt của chị Hoàng Thủy Như 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S sau đó mang bán cho anh Nguyễn Tiến Dũng với giá 200.000 đồng; ngày 22/11/2019, chiếm đoạt của anh Đình Văn Nhất 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobitas B310; cùng ngày 22/11/2019, V và S còn chiếm đoạt của chị Lương Thị Nương 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu

MEIZU M3S, hai bị cáo chưa kịp tiêu thụ thì bị Công an phát hiện bắt giữ.

Ngày 26 và ngày 30/11/2019, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên, tỉnh S La yêu cầu định giá tài sản. Tại bản kết luận định giá tài sản số 35/KL- ĐGTS ngày 27/11/2019 và kết luận định giá tài sản số 37/KL- ĐGTS ngày 02/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản- UBND huyện Phù Yên kết luận (Bút lục số118): chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A33 của chị Đinh Thị Nhật Lý trị giá 800.000 đồng; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S của chị Đặng Thị Mai trị giá 1.350.000 đồng; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Prime của chị Đinh Thị Hom trị giá 2.150.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J2 trị giá 2.040.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y91 của chị Lò Thị Hoi trị giá 4.760.000 đồng; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71 màu vàng đồng của anh Thảo A Cú trị giá 1.650.000 đồng; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71 màu hồng của anh Thảo A Su trị giá 1.700.000 đồng; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y51 của chị Hà Thị Yến trị giá 2.000.000 đồng; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J6 của anh Mùi Văn Thiệp trị giá 1.225.000 đồng; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S của anh Đinh Văn Hạnh trị giá 1.100.000 đồng; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S của chị Hoàng Thủy Như trị giá 1.150.000 đồng; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar B310 của anh Đinh Văn Nhất trị giá 140.000 đồng; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MEIZU M3S của chị Lương Thị Nương trị giá 840.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 20.765.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Với những tình tiết như trên, tại Cáo trạng số: 14/CT – VKS - PY ngày 13/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đã truy tố Hà Văn V và Hà Xuân S về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Hà Văn V và Hà Xuân S khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Kết thúc việc xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Hành vi của bị cáo Hà Văn V và Hà Xuân S đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự (đối với bị cáo V); Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự (đối với bị cáo S). Xử phạt mỗi bị cáo từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS. Chấp nhận cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Đặng Thị Mai, Đinh Thị Nhật Lý, Đinh Thị Hom, Lò Thị Hoi, Hà Thị Yến, Hoàng Như Thủy, Lương Thị Nương và anh Mùi Văn Thiệp, Thảo A Su, Phàng A Cú, Đinh Văn Hạnh và anh Đinh Văn Nhất tài sản bị mất trộm (điện thoại di động). Trả lại cho bị cáo Hà Xuân S 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL, model V6216 vỏ màu đen nhưng tạm giữ chiếc điện thoại trên để đảm bảo thi hành án. Chấp nhận bị cáo Hà Văn V và Hà Xuân S và

gia đình đã tự nguyện thỏa thuận bồi hoàn cho anh Cẩm Văn Kỷ khoản tiền anh Kỷ mua chiếc điện thoại di động là 500.000 đồng.

Trong phần đối đáp, bị cáo Hà Văn V và Hà Xuân S nhất trí với quyết định truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa. Về trách nhiệm dân sự, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Cẩm Văn Kỷ, các bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi hoàn cho anh Kỷ khoản tiền 500.000đ, anh Kỷ không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Kết thúc tranh luận, bị cáo trình bày lời nói sau cùng, bị cáo Hà Văn V đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Hà Văn V và Hà Xuân S khai nhận: với thủ đoạn lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản, liên tiếp 10 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tổng số 13 chiếc điện thoại di động của các bị hại. Trong đó có 5 lần trị giá tài sản chiếm đoạt từ 2.000.000 đồng trở lên và 5 lần trị giá tài sản chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại cũng như của những người làm chứng; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Theo kết luận định giá tài sản, tổng trị giá tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 20.765.000 đồng. Trong đó, có 5 lần trị giá tài sản chiếm đoạt từ 2.000.000 đồng trở lên. Các bị cáo không có nghề nghiệp, nghiện ma túy, đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Theo hướng dẫn tại Điều 5 của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp “Có tính chất chuyên nghiệp”.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự thì “Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm: b) Có tính chất chuyên nghiệp”.

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận trong thời gian từ ngày 07 đến ngày 22/11/2019 bị cáo Hà Văn V và Hà Xuân S đã 10 lần liên tiếp thực hiện hành vi

lén lút chiếm đoạt tổng số 13 chiếc điện thoại di động của các bị hại. Do đó, hành vi của bị cáo V và bị cáo S đã cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo điểm b khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội và về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội. Đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được việc xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là trái pháp luật. Tuy nhiên, do hám lợi trước mắt, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, cố ý phạm tội.

Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Trong lần chiếm đoạt tài sản của chị Lý và chị Mai, chị Hợi, anh Cú, anh Su, anh Thiệp, anh Nhất và chị Nương, bị cáo V là người khởi xướng, thực hành tích cực. Trong lần chiếm đoạt tài sản của chị Hom, bị cáo S thực hành tích cực, bị cáo V là người đồng phạm với vai trò giúp sức. Trong lần chiếm đoạt tài sản của chị Yên, anh Hạnh và chị Như, bị cáo V thực hành tích cực, bị cáo S là người đồng phạm với vai trò giúp sức.

Bị cáo Hà Văn V có nhân thân xấu, nghiện ma túy, cụ thể: bị cáo Hà Văn V đang trong thời gian chấp hành biện pháp xử lý hành chính “đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” về hành vi sử dụng ma túy thì bỏ trốn khỏi Trung tâm cai nghiện; ngày 18/11/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 14/6/2007, bị UBND huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La quyết định xử lý hành chính “đưa vào trường giáo dưỡng” với thời gian 24 tháng. Bản thân là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, văn hóa xã hội khó khăn; trình độ học vấn thấp, học hết lớp 5 thì bỏ học ở nhà làm nghề lao động tự do. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, tự giác khai báo những hành vi phạm tội trước, được bị hại đề nghị giảm nhẹ một phần hình phạt. Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Bị cáo S là người đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, thuộc trường hợp tái phạm quy định tại khoản 1 Điều 53 của Bộ luật hình sự. Do đó, cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo S. Các bị cáo phạm tội từ hai lần trở lên, do đó, cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với hai bị cáo.

Từ việc phân tích, đánh giá những căn cứ quyết định hình phạt ở trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa

đều cho thấy bị cáo là người lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn (Bút lục số 81). Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo.

[4] Về vật chứng, cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho các bị hại là chủ sở hữu hợp pháp, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL của Hà Xuân S, xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo S nhưng tạm giữ của bị cáo chiếc điện thoại trên để đảm bảo thi hành án.

Đối với khoản tiền 100.000 đồng anh Trần Văn Hùng có được do bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J2 cho anh Cầm Văn Kỷ, cần phải truy thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt, bị hại đã nhận lại. Tại phiên tòa, bị hại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét thỏa thuận giữa hai bị cáo Hà Văn V, Hà Xuân S với anh Cầm Văn Kỷ về việc hai bị cáo bồi hoàn cho anh Kỷ khoản tiền 500.000 đồng anh Kỷ mua chiếc điện thoại di động là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Do đến ngày xét xử, thời hạn tạm giam đối với bị cáo Hà Văn V và Hà Xuân S đã hết nên Hội đồng xét xử cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

[6] Về án phí, bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự (đối với bị cáo V);

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự (đối với bị cáo S);

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ các Điều 117, 122, 123, 131 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn V và Hà Xuân S phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt Hà Văn V và Hà Xuân S mỗi bị cáo 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/11/2019 (ngày bị tạm giữ, tạm giam).

2. Về vật chứng: Chấp nhận cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Đặng Thị Mai 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S; chị Đinh Thị Nhật Lý 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A33; chị Đinh Thị Hom 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Prime; chị Lò Thị Hợi 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J2 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y91; chị Hà Thị Yên 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y51; chị Hoàng Như

Thủy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S; chị Lường Thị Nương 01 điện thoại di động nhãn hiệu MEIZU M3S; anh Mùi Văn Thiệp 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J6; anh Thảo A Su 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71; anh Phòng A Cú 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71; anh Đinh Văn Hạnh 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S và trả lại cho anh Đinh Văn Nhất 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobitas B310.

Trả lại cho bị cáo Hà Xuân S 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL, model V6216 vỏ màu đen, số IMEL1: 35219068284363, số IMEL2: 352139068284371 kèm 02 sim nhưng tạm giữ của bị cáo chiếc điện thoại trên để đảm bảo thi hành án.

Truy thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) của anh Trần Văn Hùng có được do bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J2 cho anh Cẩm Văn Kỷ.

3. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận bị cáo Hà Văn V và Hà Xuân S đã tự nguyện thỏa thuận bồi hoàn cho anh Cẩm Văn Kỷ khoản tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Các đương sự khác không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bị cáo Hà Văn V và Hà Xuân S mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/4/2020). Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại (nếu có);
- VKSND huyện Phù Yên;
- Người bào chữa (nếu có);
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan điều tra- CA huyện ;
- CQ Thi hành án hình sự;
- Trại TG (nhà tạm giam);
- Sở tư pháp tỉnh;
- Người có QL,NVLQ (nếu có);
- Chi cục THADS huyện (án có hiệu lực);
- Lưu: HS.

} Giao

} Gửi

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tân Việt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

